

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 201/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;*

*Căn cứ Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 tỉnh Tuyên Quang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban Xây dựng Đảng Tỉnh ủy;
- Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- VPTU, VP ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- VPUBND tỉnh: LĐ, CVNCTH;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phan Huy Ngọc**

**KẾ HOẠCH**

**Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030**

*(Kèm theo Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Căn cứ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với những nội dung chính như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Việc xây dựng và ban hành Kế hoạch nhằm quán triệt và chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 nhằm thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

2. Kế hoạch cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua thành các nhiệm vụ, chương trình, đề án cụ thể, gắn với chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với đặc điểm tình hình, điều kiện thực tế, đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả, khả thi cao nhất; kế thừa, phát huy những kết quả đạt được, những bài học kinh nghiệm tích cực và khắc phục những hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện ở giai đoạn trước.

3. Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh là căn cứ để các sở, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, đồng thời tổ chức triển khai nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

4. Đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030. Xác định rõ nhiệm vụ của các cấp, các ngành; nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong tổ chức triển khai thực hiện.

**II. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, động lực và không gian phát triển mới để phát triển nhanh và bền vững. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại gắn với kết nối vùng, phát triển kinh tế biên mậu có trọng tâm, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số. Cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển con người toàn diện gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, gắn với phát triển du lịch; thực hiện giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, không ngừng nâng cao toàn diện đời sống của Nhân dân. Bảo đảm quốc phòng - an ninh vững chắc, giữ gìn biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Phân đấu đến năm 2030 là Tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững, thu nhập trung bình cao; tự cường, tự tin trong kỷ nguyên mới, phát triển phồn vinh, hạnh phúc.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 gồm 32 chỉ tiêu.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, huy động mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế**

#### ***1.1. Tiếp tục tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng KTXH đồng bộ, hiện đại và kết nối; trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng số, hạ tầng du lịch***

- Hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các nội dung khác theo quy định của Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15. Rà soát lập, điều chỉnh các quy hoạch ngành, lĩnh vực theo quy định đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tỉnh.

- Huy động nguồn lực, đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông:

+ Tập trung đầu tư các tuyến đường cao tốc trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, gồm: Hoàn thành cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) và cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang giai đoạn 2 (kết nối đến cửa khẩu Thanh Thủy); đầu tư xây dựng tuyến nối đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai với Hà Giang (CT.12).

+ Đầu tư phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông liên vùng theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững, hiệu quả và thích ứng với biến đổi khí hậu; đầu tư các công trình, dự án trọng điểm, kết nối liên vùng, có tính đột phá, phạm vi ảnh hưởng rộng đến kinh tế - xã hội, phát huy được tiềm năng, lợi thế các vùng, khu vực có tiềm năng, gồm: (1) Đường từ phường Bình Thuận đi Phú Lương kết nối tới nút giao IC5, IC6 cao tốc Nội Bài - Lào Cai; (2) Đường kết nối liên vùng Phở Yên (Thái Nguyên) - Tuyên Quang - Lào Cai (đoạn từ đèo Khế đến Sơn Dương); (3) Đường từ Hàm Yên (cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang) đến Chiêm Hóa, Na Hang (ĐT.191);

(4) Đường Lý Thái Tổ; (5) Dự án xây dựng tuyến đường Kim Bình - Tri Phú - Linh Phú (giáp với xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn và xã Trung Minh huyện Yên Sơn); (6) Dự án đường kết nối Tuyên Quang sang tỉnh Yên Bái (đoạn từ hồ Thác Bà đến phường Mỹ Lâm); (7) Đầu tư các tuyến đường kết nối với đường cao tốc trên địa bàn tỉnh nhằm phát huy hiệu quả cao tốc,...; (8) Nghiên cứu xây dựng cầu qua Sông Lô (Cầu Tân Long kết nối Quốc lộ 2C với trung tâm hành chính Yên Sơn và Quốc lộ 2; cầu Minh Xuân, cầu Trường Thi); cầu qua sông Gâm (Cầu kết nối Hoà An (Nhân Lý) - (Bình Nhân) Kim Bình ; cầu Bắc Danh - Nà Cốc, Na Hang; cầu qua sông Phó Đáy (Cầu Sơn Thủy (Sơn Nam), Sơn Dương); (9) Cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ (QL.2C, QL.37, QL.4, QL.34) và các tuyến đường tỉnh theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B); đường Bắc Quang - Xín Mần (ĐT.177); đường Yên Bình - Cốc Pài (ĐT 178); đường Vĩnh Tuy - Yên Bình (ĐT.183); nâng cấp đường Đồng Văn - Khia Lúa (ĐT.182B)...

+ Tiếp tục phát triển giao thông nông thôn, cải thiện về quy mô các tuyến đường nông thôn để kết nối trung tâm các xã, phường tới các thôn, bản, các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp với các thị trường tiêu thụ lớn hơn.

- Tăng cường công tác quản lý quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và quản lý trật tự xây dựng, bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật, phù hợp định hướng phát triển chung của tỉnh. Triển khai đồng bộ các giải pháp từ quy hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng đến quản lý, khai thác và sử dụng hạ tầng theo tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định hiện hành. Thực hiện phân cấp, phân quyền hợp lý, tăng cường trách nhiệm, đẩy mạnh giám sát, kiểm tra trong quản lý hạ tầng.

- Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2025 - 2030, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới; phấn đấu phủ sóng di động vùng trắng, lõm sóng; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ chuỗi dữ liệu; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số của tỉnh.

- Đầu tư xây mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, nước sạch tập trung nông thôn bị hư hỏng, xuống cấp; ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, hồ chứa nước tại các khu vực trọng yếu ở các xã vùng cao, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bị ảnh hưởng lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Huy động nguồn lực xây dựng và phát triển các đô thị theo quy hoạch; hình thành phát triển các đô thị thông minh, tuyến phố thông minh trong đô thị. Đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị; tăng tính kết nối giữa các đô thị trong tỉnh, gắn kết phát triển đô thị và phát triển nông thôn. Khuyến khích xây dựng khu đô thị mới; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý đô thị như: hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống cấp nước, xử lý nước thải, giám sát chất lượng môi trường,...

- Tập trung triển khai thực hiện chương trình phát triển nhà ở. Phấn đấu trong giai đoạn 2025-2030, hoàn thành xây dựng đảm bảo ít nhất 3.000 căn nhà ở xã hội, nhà ở công nhân theo đúng chỉ tiêu được giao tại Đề án và chỉ tiêu các năm đã được giao tại Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tập trung thu hút, đầu tư phát triển một số loại hình hạ tầng thương mại hiện đại; nghiên cứu phát triển hệ thống chợ đầu mối nhằm tăng khả năng tiếp cận giữa người bán và người mua, tạo thuận lợi cho lưu thông hàng hóa. Quan tâm đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

- Tập trung các nguồn lực đầu tư, phát triển hạ tầng phục vụ phát triển du lịch, nhất là hạ tầng giao thông kết nối đến các điểm du lịch có tiềm năng. Chú trọng thu hút đầu tư các dịch vụ nghỉ dưỡng, khu vui chơi, giải trí cao cấp; dịch vụ mua sắm, ẩm thực; phát triển các làng nghề truyền thống... Duy trì tư cách thành viên mạng lưới Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn. Xây dựng Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào và Cao nguyên đá Đồng Văn trở thành khu du lịch quốc gia; xây dựng Danh thắng quốc gia đặc biệt khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang- Lâm Bình, Mã Pì Lèng, sông Nho Quế trở thành trung tâm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch khám phá, trải nghiệm có thương hiệu và sức cạnh tranh cao; xây dựng Cột cờ Lũng Cú là sản phẩm du lịch đặc thù chinh phục điểm địa đầu Tổ quốc. Đề xuất lập hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận di sản thiên nhiên thế giới đối với Di tích danh thắng cấp quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo, tập trung nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm trang thiết bị cho các trường, lớp học. Tập trung nguồn lực xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu đến năm 2030 đạt 100% phòng học kiên cố. Bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn. Tập trung đầu tư và chỉ đạo thực hiện Đề án xây dựng các trường nội trú tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới theo chỉ đạo của Chính phủ. Tái cấu trúc mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; lựa chọn đầu tư trọng điểm cho các trường chất lượng cao, đào tạo kỹ năng nghề quốc tế.

## ***1.2. Thực hiện tốt công tác tài chính, tín dụng, đầu tư công, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia***

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, có hiệu quả các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản của Trung ương trong lĩnh vực tài chính, ngân sách nhà nước trên địa bàn. Tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước, chủ động xử lý các tác động đến nguồn thu ngân sách, quyết tâm thu đạt và vượt dự toán giao. Quan tâm chỉ đạo mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phấn đấu tăng tỷ trọng thu nội địa. Điều chỉnh, bổ sung đối với các chính sách về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền. Phát huy tốt nguồn lực đất đai để tăng thu ngân sách và phát triển kinh tế - xã hội. Quyết liệt chỉ đạo chống thất thu thuế nhất là trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, đất đai, tài nguyên khoáng sản; tăng cường kiểm tra, kiểm soát xác định giá tính thuế hải quan, chống chuyên giá, giảm nợ đọng thuế.

- Tăng cường công tác quản lý, xử lý tài sản dôi dư sau sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp; nhất là các cơ sở nhà, đất thuộc tài sản công, dự kiến dôi dư để đưa vào kế hoạch, danh mục các khu đất thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất (bao gồm cả tài sản trên đất).

- Tiếp tục cơ cấu chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách địa phương, giảm chi trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp công lập, chỉ tập trung vào các dịch vụ công ngân sách nhà nước phải bảo đảm hoặc hỗ trợ một phần theo lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công; cơ cấu lại chi ngân sách trong từng lĩnh vực, tập trung đảm bảo cho các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các chính an sinh xã hội, các nhiệm vụ quan trọng, thiết yếu. Triệt để cắt giảm chi thường xuyên, các khoản chi sự nghiệp có tính chất đầu tư, các khoản chi không thực sự cần thiết, cấp bách. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước.

- Định hướng các cơ chế thúc đẩy đầu tư, liên kết vùng, lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư tư, thu hút, đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội. Triển khai công tác lập và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư đảm bảo theo quy trình, quy định của Luật Đầu tư công, phù hợp với khả năng nguồn lực của tỉnh. Tiếp tục cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả, linh hoạt trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Ưu tiên nguồn lực của địa phương cùng với nguồn lực của ngân sách Trung ương (nguồn vốn chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, vốn nước ngoài, nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia) để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng, các dự án trọng điểm.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, đặc biệt là chất lượng công trình và chi phí đầu tư đối với các công trình có sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Tăng cường thực hiện kiểm tra chất lượng các công trình đang thi công và kiểm tra nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. Nâng cao năng lực quản lý và hoạt động của các Ban quản lý.

- Làm tốt công tác phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương để rà soát, xây dựng các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030. Kịp thời triển khai thực hiện các văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương liên quan đến tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện các Chương trình; phát huy vai trò chủ thể của người dân, cộng đồng và hiệu quả của các chính sách hỗ trợ.

- Tập trung chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các cơ chế, chính sách về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, nhất là tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách mới về ngân hàng hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng, chỉ đạo của Trung ương, trọng tâm là các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, phục vụ sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên theo các nghị quyết, chương trình, đề án của Tỉnh. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chỉ

thị số 39/CT-TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới; tập trung vào các chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, ... Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu dân cư và định danh điện tử trong hoạt động ngân hàng để phát triển cho vay điện tử, phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và các dịch vụ ngân hàng hiện đại, tiện ích, an toàn.

### ***1.3. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng theo định hướng kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh***

- Phát triển mạnh các ngành công nghiệp có lợi thế, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp nhẹ, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp phụ trợ và năng lượng xanh theo định hướng kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và thân thiện với môi trường; thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp kết nối. Phân đầu xây dựng tỉnh trở thành "*Trung tâm vùng về công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp nhẹ, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp phụ trợ và năng lượng xanh*".

- Lập và thực hiện quy hoạch các khu công nghiệp có lợi thế để thu hút đầu tư; Khởi công khu công nghiệp Nhữ Khê - Đội Cấn và khu công nghiệp Tam Đa khi hoàn thành điều chỉnh quy hoạch tỉnh. Ưu tiên đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ, tạo mặt bằng sạch thu hút các dự án lớn, công nghệ cao; từng bước xây dựng mô hình cụm công nghiệp sinh thái, thông minh. Đẩy nhanh tiến độ thành lập mới các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án chế biến, chế tạo, công nghiệp nhẹ, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp phụ trợ và năng lượng xanh.

- Nghiên cứu ban hành, sửa đổi các chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến sâu, năng lượng tái tạo, công nghiệp công nghệ cao; khuyến khích doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn.

- Thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tăng cường đầu tư, khai thác hiệu quả các nguồn thủy điện, điện sinh khối; nghiên cứu, kêu gọi đầu tư điện mặt trời, điện gió phù hợp điều kiện tự nhiên của tỉnh. Thu hút và phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ kết nối.

- Duy trì, nâng cao hiệu quả và mở rộng các nhà máy cơ khí, chế tạo, luyện kim hiện có; thu hút các dự án cơ khí, luyện kim, chế tạo phù hợp với quy hoạch, đưa khoáng sản kim loại khai thác trên địa bàn vào chế biến sâu, hạn chế bán nguyên liệu thô.

### ***1.4. Tiếp tục khai thác tiềm năng, lợi thế đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh***

- Tập trung triển khai hiệu quả các nghị quyết, quy hoạch, đề án phát triển du lịch của tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2045; xây dựng và hoàn thiện các

cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy du lịch phát triển nhanh, bền vững. Tập trung khai thác tiềm năng, lợi thế đẩy mạnh phát triển du lịch của tỉnh theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả, xanh, bền vững, mang đậm bản sắc văn hóa, con người Tuyên Quang. Tiếp tục thực hiện các giải pháp giữ vững danh hiệu “điểm đến văn hóa khu vực hàng đầu châu Á”; phấn đấu xây dựng thương hiệu “điểm đến văn hoá khu vực hàng đầu thế giới”. Tiếp tục duy trì, phát triển các lễ hội đã tạo dựng được thương hiệu<sup>1</sup>.

- Duy trì và phát triển mạnh các sản phẩm du lịch chủ đạo, có lợi thế của địa phương, như: Du lịch lịch sử - văn hoá; du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng; du lịch tâm linh - lễ hội; du lịch cộng đồng; du lịch thể thao mạo hiểm,... Nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm du lịch gắn với xây dựng văn hoá trong kinh doanh, bảo vệ môi trường. Gắn kết chặt chẽ việc phát triển du lịch với bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử và bản sắc văn hóa các dân tộc; phát triển kinh tế nông nghiệp theo chuỗi giá trị gắn với phát triển du lịch.

- Tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và cộng đồng phát triển du lịch; thực hiện giải quyết thủ tục cách hành chính du lịch thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong phát triển du lịch để hỗ trợ kết nối và tăng trải nghiệm cho khách du lịch.

- Tăng cường hợp tác, liên kết phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố trọng điểm về du lịch, các doanh nghiệp lữ hành, gắn điểm đến Tuyên Quang vào chuỗi giá trị du lịch liên tỉnh, liên vùng, góp phần nâng cao vị thế, sức cạnh tranh của du lịch Tuyên Quang. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch, tăng cường tổ chức các bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển.

### ***1.5. Tiếp tục phát triển thương mại, dịch vụ***

- Tập trung thúc đẩy phát triển kinh tế và thương mại biên giới. Triển khai thực hiện nghiêm Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược “Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Quyết định số 1199/QĐ-TTg ngày 14/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch cửa khẩu Việt Nam - Trung Quốc; Quyết định số 493/QĐ-TTg, ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030. Đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, chính sách về thương mại biên giới, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân và doanh nghiệp.

- Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới gắn với xuất nhập khẩu; xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư hạ tầng, phát triển hàng hóa xuất khẩu, tháo gỡ vướng mắc pháp lý phù hợp thực tiễn địa phương. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng hàng

<sup>1</sup> Lễ hội Thành Tuyên; Lễ hội hoa Lê; Lễ hội Hoa Tam giác Mạch; Lễ hội chợ Phong Lưu Khau Vai; Lễ hội mùa vàng Hoàng Su Phì...

hóa; tiếp tục cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về xuất nhập khẩu. Khuyến khích các doanh nghiệp địa phương tham gia hoạt động xuất nhập khẩu, đặc biệt là xuất khẩu các sản phẩm của địa phương.

- Tổ chức đào tạo nghiệp vụ xuất nhập khẩu, logistics, xúc tiến thương mại và quản trị doanh nghiệp nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, kết nối giao thương, nhất là với phía Trung Quốc.

- Phát triển thương mại điện tử, kinh tế số, quảng bá hình ảnh, tiềm năng của tỉnh; thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại hiện đại, logistics, hệ thống phân phối xanh và chợ nông thôn phục vụ dân sinh, du lịch.

- Tăng cường quản lý thị trường, bảo đảm cân đối cung - cầu, xử lý nghiêm gian lận thương mại, hàng giả, buôn lậu; đẩy mạnh tuyên truyền phong trào “Người tiêu dùng nói không với hàng giả”. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu số. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng hóa vi phạm về nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tập trung kiểm soát chất lượng, giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống của nhân dân.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý các hoạt động kinh doanh vận tải. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ, công tác đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo cạnh tranh công bằng giữa các đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải. Khuyến khích sự tham gia của các đơn vị tư nhân phát triển các dịch vụ vận tải đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân.

***1.6. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa theo chuỗi liên kết, ứng dụng khoa học công nghệ cao, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, hiệu quả, bền vững gắn với nâng cao các tiêu chí xây dựng nông thôn mới***

- Khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển nhanh, bền vững và toàn diện sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa dựa trên lợi thế vùng, địa phương, theo hướng chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao. Triển khai các giải pháp đảm bảo vững chắc an ninh lương thực, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Rà soát xây dựng các chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa đáp ứng tiêu chuẩn, chất lượng gắn với liên kết ngành, chuỗi giá trị đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và các yêu cầu mới của thị trường.

- Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp và áp dụng các tiêu chuẩn trong sản xuất, chế biến nông nghiệp mang lại giá trị gia tăng cao; khuyến khích doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp gắn với các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp bền vững gắn với kinh tế nông nghiệp xanh, nông nghiệp số và mục tiêu xây dựng nông thôn, nông dân giàu có.

Tập trung xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất, thu hoạch, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; hoàn thiện kết cấu hạ tầng thủy lợi; đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình nước sạch nông thôn.

- Xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, kinh tế tuần hoàn. Khai thác và nuôi trồng thủy sản bền vững; nâng cao năng lực sản xuất giống và dịch vụ thủy sản; tập trung ứng dụng sinh sản nhân tạo một số loài cá đặc sản, có giá trị kinh tế cao.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, đảm bảo hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo tồn đa dạng sinh học trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị thu được trên một héc-ta rừng trồng sau một chu kỳ kinh doanh. Quản lý, duy trì, bảo vệ, nâng cao chất lượng diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên hiện có, phát triển các mô hình kinh tế lâm sản ngoài gỗ và dược liệu bản địa; trồng cây dọc biên giới. Nâng cao hiệu quả ngành lâm nghiệp, chế biến gỗ xuất khẩu gắn với phát triển vùng nguyên liệu bền vững; chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cần thiết cho việc tham gia thị trường các-bon rừng khi có đầy đủ cơ sở pháp lý. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “*Xây dựng Tuyên Quang trở thành Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Trung tâm sản xuất và chế biến gỗ*”.

- Duy trì phát triển Chương trình “*Mỗi xã một sản phẩm*” đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP vươn xa hơn đến thị trường quốc tế; tăng cường giới thiệu quảng bá, kết nối thị trường; ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển sản phẩm nông sản gắn với du lịch nông thôn, bảo tồn giá trị văn hóa bản địa. Phấn đấu đến năm 2030, có 01 chỉ dẫn địa lý (*sản phẩm nông, lâm nghiệp*) được bảo hộ ở nước ngoài.

- Triển khai xây dựng nông thôn mới hiệu quả, toàn diện, đi vào chiều sâu. Khai thác tối đa điều kiện, tiềm năng, đặc thù của từng địa phương để xây dựng các vùng nông thôn thành những miền quê đáng sống. Khơi dậy tinh thần, vai trò chủ thể của nhân dân và cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đến năm 2030 toàn tỉnh có 60 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 51,3%).

- Tập trung triển khai hiệu quả các dự án bố trí ổn định dân cư, đặt biệt là dân cư tại các khu vực vùng núi cao, vùng có nguy cơ thiên tai, nguy hiểm. Ưu tiên thực hiện bố trí ổn định dân cư xen ghép, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn và phong tục, tập quán về sản xuất của người dân.

### **1.7. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thành phần kinh tế**

- Tăng cường công khai minh bạch thông tin, đặc biệt là thông tin về các quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương, các dự án đầu tư công, đấu thầu, các dự án kêu gọi đầu tư, các quy trình, thủ tục cũng như kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các ngành, các cấp. Nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm phục vụ

hành chính công và bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp. Triển khai giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo lộ trình.

- Xác định danh mục các dự án trọng điểm thu hút đầu tư; ưu tiên nguồn lực tài chính để thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng sạch đầu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất theo quy hoạch. Triển khai thực hiện các giải pháp đồng hành, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp. Phát huy hiệu quả hoạt động hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Thanh tra, kiểm tra toàn diện việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với dự án chậm tiến độ; kiên quyết thu hồi, chấm dứt đối với các dự án đầu tư kém hiệu quả.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Khuyến khích phát triển đồng đều các thành phần kinh tế; thực hiện phương châm “Đồng hành cùng doanh nghiệp”, bảo vệ quyền tài sản, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, không phân biệt đối xử, đảm bảo tính bình đẳng trước pháp luật về quyền lợi và cơ hội kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện qua mạng 100% các thủ tục đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp, điều chỉnh giấy phép, tăng giảm vốn, các thủ tục, giấy tờ liên quan khác đến hoạt động doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, tiếp cận đất đai, giảm chi phí gia nhập thị trường; giải quyết kịp thời các vướng mắc, kiến nghị hợp lý của các nhà đầu tư, doanh nghiệp.

- Tập trung cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước và hoàn thành việc thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; tiếp tục thực hiện tốt chức năng giám sát của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định.

- Tăng cường chuyển đổi mô hình hoạt động các hợp tác xã theo đúng Luật Hợp tác xã. Hỗ trợ, hướng dẫn để phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hộ hoạt động hiệu quả; mở rộng các dịch vụ của hợp tác xã, đẩy mạnh liên kết, hợp tác giữa các hợp tác xã và tổ hợp tác. Xây dựng các mô hình hợp tác xã kiểu mới, xây dựng chuỗi sản phẩm từ sản xuất đến tiêu dùng, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo phát triển bền vững.

- Khuyến khích, hỗ trợ để hộ gia đình, cá thể kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Khuyến khích hình thành các doanh nghiệp lớn như một đầu tàu dẫn dắt các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển và nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp tư nhân. Phấn đấu mỗi năm có từ 650 - 1.000 doanh nghiệp thành lập mới, phấn đấu đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh có 10.000 doanh nghiệp.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; hoàn thành việc sắp xếp, thoái vốn nhà nước đối với doanh nghiệp do tỉnh quản lý theo lộ trình, kế hoạch đã được phê duyệt.

## **2. Nâng cao chất lượng công tác văn hóa, xã hội; xây dựng con người Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững**

### **2.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Tuyên Quang trở thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025-2035. Xây dựng và thực hiện hệ giá trị đạo đức, chuẩn mực con người Tuyên Quang trong thời kỳ mới phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, năng lực sáng tạo, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng xây dựng Tuyên Quang phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Nâng cao chất lượng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, “xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Chú trọng công tác bảo tồn, khai thác và phát huy mạnh mẽ các giá trị di sản văn hóa, trong đó ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư bảo tồn các làng văn hoá dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch; phục hồi, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến, trọng tâm là Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng và các di tích đã được xếp hạng di tích quốc gia.

- Tập trung đầu tư, cải tạo, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao từ cấp tỉnh đến cấp xã, đáp ứng nhu cầu của Nhân dân; trọng tâm là đầu tư xây dựng hoàn thiện Khu liên hợp thể thao tỉnh, Trung tâm Văn hoá tỉnh, đảm bảo điều kiện tổ chức các sự kiện văn hoá, thể thao quy mô cấp quốc gia và quốc tế. Đẩy mạnh phát triển thể thao quần chúng, quan tâm đầu tư phát triển các môn thể thao tỉnh có thế mạnh.

- Từng bước phát triển các ngành công nghiệp văn hóa phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh, trong đó ưu tiên thu hút đầu tư xây dựng hệ thống rạp chiếu phim, phim trường... gắn với phát triển du lịch.

### **2.2. Thực hiện hiệu quả và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo**

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; thực hiện điều chỉnh các chính sách hiện hành về khuyến khích phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập; cơ chế, chính sách đặt hàng đào tạo giáo viên đối với những môn học mà tỉnh có nhu cầu và hiện đang thiếu nguồn tuyển dụng; chế độ khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia và kỳ thi cấp tỉnh; chính sách khuyến khích đối với học sinh các trường THPT chuyên đảm bảo đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục trong giai đoạn mới.

- Sắp xếp lại điểm trường, lớp học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025-2030 đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tiết kiệm biên chế giáo viên và kinh phí đầu tư. Tập trung nguồn lực xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu đến năm 2030 đạt 100% phòng học kiên cố. Bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất. Tạo chuyển biến rõ nét về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; khẩn trương chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo, chuẩn bị hạ tầng để dự giờ, sinh hoạt chuyên môn trực tuyến. Tập trung đầu tư và chỉ đạo thực hiện Đề án xây dựng các trường nội trú tiểu học và THCS ở các xã biên giới theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3-5 tuổi; nâng cao tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ; tiếp tục thực hiện các giải pháp xóa mù chữ cho người dân ở những vùng khó khăn, biên giới.

- Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn; phấn đấu điểm trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT và số lượng giải học sinh giỏi quốc gia trong nhóm 25 tỉnh, thành phố; chú trọng giáo dục mũi nhọn, phấn đấu có học sinh tham gia đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế; đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đẩy mạnh giáo dục STEM và nghiên cứu khoa học, kĩ thuật trong các cơ sở giáo dục. Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ; thực hiện lộ trình từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và các danh lam thắng cảnh, địa danh lịch sử trên địa bàn tỉnh.

### ***2.3. Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đào tạo, nâng cao chất lượng lao động gắn với giải quyết việc làm***

- Triển khai sớm công tác tuyên truyền, tư vấn phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh cấp trung học cơ sở ngay từ lớp 6, lớp 7; tăng cường truyền thông chính sách về học nghề cho học sinh trung học cơ sở tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Đổi mới truyền thông (video, fanpage, tư vấn theo cụm xã...), mở rộng hình thức tư vấn phân luồng, định hướng nghề nghiệp qua tham quan, trải nghiệm tại doanh nghiệp phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn.

- Tái cấu trúc mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; lựa chọn đầu tư trọng điểm cho các trường đào tạo nghề chất lượng cao, đào tạo kỹ năng nghề quốc tế; gắn đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, phục vụ thị trường lao động trong và ngoài nước. Mở rộng giáo dục thường xuyên, học tập suốt đời. Thúc đẩy mô hình liên kết “Nhà trường - Doanh nghiệp - Nhà nước” trong đào tạo, gắn đào tạo với việc làm, tăng tính linh hoạt và thích ứng. Ưu tiên đào tạo nhân lực kỹ thuật, công nghệ các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh. Tăng cường tổ chức các hoạt động dịch vụ việc làm trong cơ sở đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung

tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn nhằm nâng cao hiệu quả giới thiệu, giải quyết việc làm cho người học sau tốt nghiệp.

- Triển khai, tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành. Quan tâm triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ tạo việc làm người lao động theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh, đổi mới hoạt động dịch vụ việc làm gắn với chuyển đổi số. Tiếp tục đẩy mạnh đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, nhất là các thị trường ổn định, có chất lượng, thu nhập cao. Triển khai hiệu quả thỏa thuận đưa lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc và thỏa thuận quản lý lao động qua biên giới. Tăng cường công tác tuyên truyền và kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động. Thực hiện giải quyết chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đúng quy định.

#### ***2.4. Nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân***

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, hướng tới sự hài lòng của người bệnh tại các tuyến y tế. Triển khai hiệu quả công tác dự phòng, dân số, đảm bảo an toàn thực phẩm; tăng cường công tác kiểm tra việc hành nghề y- dược tư nhân. Xây dựng Kế hoạch, tổ chức khám bệnh miễn phí cho người nghèo, và người dân vùng biên giới ít nhất 01 lần trong năm.

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế và tăng cường quản lý nhân lực y tế theo các văn bản quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền sau sáp nhập, đảm bảo tinh gọn, phù hợp và đạt hiệu quả cao. Thực hiện chuyển đổi số, triển khai thí điểm thực hiện sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VneID, triển khai bệnh án điện tử tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Tăng cường thực hiện hiệu quả các thỏa thuận đã ký kết hợp tác với các bệnh viện tuyến Trung ương trong việc tiếp nhận hỗ trợ chuyên môn, chuyển giao kỹ thuật, đào tạo nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các tuyến. Tiếp tục xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh trở thành Trung tâm khoa học, kỹ thuật y tế, chuyển giao công nghệ, đảm bảo chăm sóc sức khỏe nhân dân tuyến Đông Bắc; chuẩn bị đầy đủ phương án và các điều kiện bảo đảm Bệnh viện Đa khoa tỉnh tại địa điểm mới đi vào hoạt động ngay sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng.

#### ***2.5. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh xã hội***

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh; làm tốt công tác "Đền ơn đáp nghĩa", chính sách hậu phương, quân đội; đảm bảo đời sống người có công với cách mạng và thân nhân người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Tiếp tục triển khai thực hiện công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, xác định danh tính liệt sĩ.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, giảm nghèo bền vững. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo để nâng cao điều kiện sống của người nghèo, người dân tộc thiểu số, bảo đảm người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản như chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin,... Tổ chức thực hiện kịp thời các chính sách trợ giúp đối với đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, công tác chăm sóc người cao tuổi, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới.

### **2.6. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thông tin và truyền thông**

- Tiếp tục duy trì và phát triển hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông, internet. Phát triển và quản lý chặt chẽ công tác truyền thông số để lan tỏa, quảng bá hình ảnh, văn hóa, con người, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Kịp thời nắm bắt, kiểm soát thông tin, đấu tranh, phản bác, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng, phản ánh đúng thực tiễn của tỉnh, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí, xuất bản trên địa bàn tỉnh. Kịp thời định hướng, chỉ đạo thông tin báo chí để góp phần nâng cao chất lượng nội dung thông tin, đặc biệt là công tác định hướng tuyên truyền các sự kiện lớn, sự kiện đột xuất, các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh và các vấn đề đang được dư luận xã hội quan tâm. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản lý thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

### **2.7. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo**

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc và các chính sách dân tộc theo Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Nghị quyết số 10/NQ-CP, ngày 28/01/2022 của Chính phủ về ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Quan tâm bố trí nguồn lực thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó chú trọng đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu; hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển chăn nuôi, phát triển kinh tế rừng. Thực hiện các giải pháp hỗ trợ người nghèo, cận nghèo ổn định sinh kế, phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập, thoát nghèo bền vững. Đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân tộc, nâng cao ý thức tự lực, tự chủ trong phát triển kinh tế, giảm nghèo, nâng cao thu nhập của người dân tộc thiểu số. Phát huy tốt vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng các phong trào thi đua trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chú trọng công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. chủ động hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo trực thuộc, điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung sinh hoạt, hoạt động theo quy định của pháp luật và Hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Nắm chắc tình hình hoạt động của các tôn giáo tại cơ sở; thực hiện giải quyết các kiến nghị, đề nghị chính đáng, hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tôn giáo theo quy định của pháp luật.

### **3. Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2025 - 2030, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới; phân đấu phủ sóng di động vùng trắng, lõm sóng; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ chuỗi dữ liệu; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số của tỉnh. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trên 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến; xây dựng chính quyền điện tử hiện đại. Phát triển nhân lực số, đào tạo kỹ năng số toàn dân; thu hút, trọng dụng trí thức, chuyên gia; ưu tiên nâng cao năng lực số cho cán bộ cơ sở, doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xây dựng danh mục các nhiệm vụ khoa học, công nghệ hằng năm thuộc các ngành, lĩnh vực bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030. Đẩy mạnh ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện các đề tài, dự án vào sản xuất và đời sống của người dân, doanh nghiệp nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân trên địa bàn tỉnh, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp. Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp, HTX nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, xây dựng, bảo hộ, phát triển nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm đặc sản địa phương. Tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, công nghệ số, canh tác thông minh, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó tập trung vào các sản phẩm chủ lực, đặc sản, sản phẩm OCOP, cây dược liệu nhằm khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh; phát triển du lịch thông minh (xây dựng bản đồ số, thuyết minh số, quảng bá di sản, danh thắng của tỉnh...).

- Hướng dẫn hoạt động sáng kiến; khuyến khích, động viên cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đề xuất sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp hữu ích phục vụ cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả công việc và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030, hướng dẫn, cấp Giấy chứng nhận 15 tổ chức khoa học và công nghệ công lập, ngoài công lập trên địa bàn tỉnh, 10 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh.

#### **4. Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai**

##### ***4.1. Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường***

- Tiếp tục xây dựng, rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các văn bản triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2024 theo thẩm quyền. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả đất đai, tài nguyên theo nguyên tắc thị trường và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; lồng ghép công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và địa phương. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, quản lý, khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội, nhất là quỹ đất công, đất có nguồn gốc nông, lâm trường, quỹ đất có lợi thế phát triển kinh tế - xã hội; coi trọng quản lý và thực hiện có hiệu quả việc giao đất, cho thuê đất. Bổ sung rà soát, thu hồi, chấm dứt dự án chậm triển khai theo quy định, tránh lãng phí nguồn lực. Tăng cường đăng ký quyền sử dụng đất và áp dụng định giá đất theo thị trường bảo đảm công khai, minh bạch.

- Chú trọng quản lý, phát triển tài nguyên rừng, tài nguyên nước, xác định đây là hai tài nguyên quý giá, tác động lớn đến tương lai phát triển bền vững của tỉnh. Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ, đập chứa nước; bảo vệ chất lượng nguồn nước của các sông, suối, hồ. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học. Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng, các khu bảo tồn thiên nhiên; bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, quý hiếm.

##### ***4.2. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai***

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia, chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai. Chủ động giám sát, thực hiện các giải pháp ứng phó với

biến đổi khí hậu; tập trung nâng cao cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai. Quan tâm xây dựng quy hoạch tổng thể, bố trí ổn định dân cư ra khỏi vùng lũ quét và sạt lở. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng thủy lợi; đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình nước sạch nông thôn.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ số, tiên tiến góp phần nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo thiên tai; nắm chắc diễn biến thời tiết, kiểm tra các điều kiện đảm bảo an toàn đối với các công trình thủy điện; an toàn đập, vùng hạ du đập; chuẩn bị sẵn sàng các phương án phòng, chống thiên tai. Chủ động phối hợp, trao đổi thông tin về thiên tai, khí tượng thủy văn với các địa phương của Trung Quốc.

## **5. Tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại**

### ***5.1. Tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh***

- Quán triệt thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của các cấp về nhiệm vụ quốc phòng địa phương. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng toàn dân, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Đổi mới toàn diện, đồng bộ các biện pháp công tác biên phòng; tăng cường quản lý, bảo vệ biên giới theo 03 văn kiện pháp lý và các thỏa thuận đã ký kết. Kết hợp chặt chẽ đối ngoại quân sự, quốc phòng, đối ngoại biên phòng và ngoại nhân dân. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát xuất, nhập cảnh, đáp ứng yêu cầu mở rộng, lưu, hội nhập quốc tế; tăng cường hợp tác với các lực lượng quản lý biên giới tỉnh Vân Nam, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) trong các lĩnh vực quản lý, kiểm soát cửa khẩu, lối mở, kiểm soát an ninh khu vực biên giới.

- Nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ; giải quyết kịp thời, triệt để các vụ việc phức tạp an ninh nông thôn, không để xảy ra mâu thuẫn, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân; bảo đảm an ninh, an toàn các đối tượng, mục tiêu quan trọng. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, trọng tâm là tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy, tội phạm trên không gian mạng... Tập trung triệt xóa các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra khám phá và giải quyết án. Tăng cường công tác quản lý cư trú, quản lý xuất, nhập cảnh, quản lý người nước ngoài, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm kiềm chế, giảm thiểu tai nạn thông, cháy, nổ và hậu quả, thiệt hại gây ra; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

### ***5.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại***

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Xây dựng, triển khai các quy định, quy chế của tỉnh về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa

bàn tỉnh. Thúc đẩy triển khai thực chất và hiệu quả các cam kết, thỏa thuận quốc tế đã ký kết với địa phương, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Tiếp tục duy trì, phát triển quan hệ hợp tác toàn diện với tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc, đảm bảo hợp tác hai bên cùng có lợi trong khuôn khổ quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam và Trung Quốc; trọng tâm là thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại qua biên giới. Duy trì và phát triển, làm sâu sắc hơn các quan hệ ngoại giao địa phương đã thiết lập. Đẩy mạnh xúc tiến hợp tác và mở rộng quan hệ với địa phương các nước, đại sứ quán các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài... Thực hiện lồng ghép công tác ngoại giao văn hóa với các hoạt động chính trị, ngoại giao kinh tế, đối ngoại nhân dân nhằm quảng bá hình ảnh văn hóa, lịch sử, bản sắc dân tộc, thiên nhiên Tuyên Quang, đặc biệt là hình ảnh Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồi Văn với thế giới, di sản văn hóa độc đáo của “Thủ đô Khu giải phóng”, “Thủ đô Kháng chiến”.

## **6. Xây dựng chính quyền vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả**

### **6.1. Xây dựng chính quyền, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính**

- Tập trung hoàn thành việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, xây dựng đề án vị trí việc làm theo chỉ đạo, quy định của Trung ương và phù hợp với thực tiễn của tỉnh gắn với tinh giản biên chế. Nâng cao chất lượng các khâu trong công tác cán bộ như đánh giá, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và giải quyết chế độ, chính sách về lương, ngạch, hạng, nghỉ hưu... đảm bảo thực hiện đúng quy định, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm. Triển khai tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 đảm bảo đúng quy định, an toàn, hiệu quả. Triển khai lập quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính theo quy định, hướng dẫn của các bộ ngành có liên quan; lập hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã của tỉnh sau hợp nhất tỉnh, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

- Nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới gắn với thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025 - 2030. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 76-NQ/CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về cải cách nhà nước giai đoạn 2021-2030; đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện, hiệu quả. Tăng cường công tác tập huấn kỹ năng nghiệp vụ về cải cách hành chính, chuyển đổi số và kỹ năng giao tiếp công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, đặc biệt là ở cấp xã và tổ chuyển đổi số ở cơ sở. Hằng năm rà soát, nâng cấp phần mềm quản lý chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính các cấp tỉnh Tuyên Quang cho phù hợp với yêu cầu đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ và chuyển đổi số; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện cải cách hành chính; gắn kết quả này với công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

### **6.2. Đẩy mạnh công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí**

- Tăng cường nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra. Thực hiện tốt công tác lập kế hoạch thanh tra, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp. Thường xuyên rà soát việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra; thực hiện nghiêm các biện pháp nhằm thu hồi tài sản bị thất thoát, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thanh tra.

- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân ngay tại cơ sở, hạn chế tối đa phát sinh khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, vượt cấp. Tiếp tục thực hiện tiếp công dân trực tuyến. Tổ chức thực hiện tốt công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý về tố cáo, quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

- Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách. Tổ chức thực hiện tốt việc kiểm soát tài sản, thu nhập đối với người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập.

### **6.3. Công tác tư pháp**

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020. Triển khai thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Khẩn trương hoàn thành sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy và để bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và sáp nhập tỉnh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cơ chế, chính sách hoàn thiện thể chế về công tác tư pháp, hỗ trợ tư pháp, có chính sách thu hút, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa hoạt động hỗ trợ tư pháp.

*(Chi tiết Danh mục các nội dung nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo)*

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các đoàn thể, đơn vị, doanh nghiệp cụ thể hóa xây dựng thành Chương trình/Kế hoạch của đơn vị, địa phương mình, bảo đảm tính thống nhất với mục tiêu đã đề ra và phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Các sở, ngành, đơn vị thuộc Tỉnh, cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và của từng sở, ngành, đơn vị, địa phương; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính, Thống kê tỉnh và các sở, ngành, đơn vị liên quan để theo dõi và tổng hợp; đồng thời tổ chức đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp trong quá trình thực hiện.

3. Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với sở, ngành, đơn vị, địa phương rà soát, cung cấp đầy đủ, kịp thời số liệu phục vụ tính toán tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) và cơ cấu kinh tế theo từng quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm và cả giai đoạn báo cáo Cục Thống kê. Trên cơ sở đó thực hiện phân tích, đánh giá mức đóng góp của từng ngành, lĩnh vực vào tăng trưởng GRDP, tham mưu UBND tỉnh các giải pháp điều hành phù hợp, góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP đã đề ra.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch.

5. Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Ban của Tỉnh ủy, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức quán triệt, thông tin tuyên truyền sâu rộng về mục tiêu và các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, tạo sự đồng thuận và sức mạnh tổng hợp, phát huy tinh thần nỗ lực của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để phấn đấu hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ đã được đề ra.

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các sở, ngành, đơn vị và địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC I

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu kế hoạch 5 năm, giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
<b>I</b>	<b>CHỈ TIÊU KINH TẾ</b>				
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giá hiện hành năm cuối kỳ	Tỷ đồng	94.960	170.000	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
2	Tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) theo giá so sánh bình quân giai đoạn	%	7,03	10,50	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
3	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người (giá hiện hành) năm cuối kỳ	Triệu đồng/người/năm	54,32	95,0	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP năm cuối kỳ	% GRDP	7,46	≥ 20	Sở Khoa học và Công nghệ, Thống kê tỉnh
5	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm cuối kỳ	Tỷ đồng	6.762,4	12.000	Sở Tài chính, Thuế tỉnh
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm cuối kỳ	Tỷ đồng	32.151	75.000	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
7	Năng suất lao động năm cuối kỳ	Triệu đồng/lao động	126,78	213,0	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
8	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Vạn tấn	76,6	>75,0	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Trồng rừng tập trung cả giai đoạn	Ha	81.206	50.000	Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Thu hút khách du lịch	Triệu lượt khách	3,9	6,0	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>II</b>	<b>CHỈ TIÊU XÃ HỘI</b>				
11	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,67	0,72	Thống kê tỉnh
12	Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học				Sở Giáo dục và Đào tạo
	- <i>Mầm non</i>	%	64,4	73,0	
	- <i>Phổ thông</i>	%	65,2	80,0	
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	66,5	72,0	Sở Nội vụ
	<i>Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ</i>	%	23,3	30,0	Thống kê tỉnh
14	Tỉ lệ xã, phường có thiết chế văn hóa - thể thao phù hợp, được quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả	%	77,4	100,0	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
15	Tỉ lệ thôn, tổ dân phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao phục vụ sinh hoạt cộng đồng và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng	%	93,0	100,0	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
16	Tỉ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	83,2	90,0	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
17	Tỉ lệ số thôn, bản, tổ dân số đạt danh hiệu văn hóa	%	83,75	85,0	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
18	Tỉ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	95,2	95,0	Liên đoàn Lao động tỉnh
19	Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (Chiều cao theo tuổi)	%	25	22,0	Sở Y tế
20	Tỉ lệ xã, phường đạt tiêu chí quốc gia y tế xã	%	82,3	100,0	Sở Y tế
21	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	71	75,5	Sở Y tế
22	Thời gian sống khoẻ tối thiểu	Năm	60	68,0	Sở Y tế
23	Số bác sĩ bình quân trên 1 vạn dân	Bác sĩ/vạn dân	10,2	11,0	Sở Y tế
24	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường bệnh/vạn dân	40,0	44,0	Sở Y tế
25	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia giảm bình quân hằng năm	%	3,7	3-4	Sở Nông nghiệp và Môi trường
26	Tỉ lệ tham gia bảo hiểm xã hội	%			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu kế hoạch 5 năm, giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	+ <i>Bắt buộc</i>	%	30,0	45,0	Bảo hiểm xã hội tỉnh
	+ <i>Tự nguyện</i>	%	4,47	5,0	
	+ <i>Thất nghiệp</i>	%	27,43	35,0	
27	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%	97,0	100,0	Bảo hiểm xã hội tỉnh
28	Tỉ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%	29,91	51,28	Sở Nông nghiệp và Môi trường
<b>III</b>	<b>CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG</b>				
29	Tỉ lệ che phủ rừng	%	62,2	62,2	Sở Nông nghiệp và Môi trường
30	Tỉ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	95,0	95,0	Sở Nông nghiệp và Môi trường
31	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100,0	100,0	Sở Y tế
32	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100,0	100,0	Ban quản lý các Khu công nghiệp và Khu kinh tế tỉnh

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN**

(Kèm theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026)

TT	TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH	THỜI GIAN BAN HÀNH	THÂM QUYỀN BAN HÀNH
<b>I</b>	<b>Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, huy động mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế</b>					
<b>I.1</b>	<b>Tiếp tục tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng KTXH đồng bộ, hiện đại và kết nối; trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng số, hạ tầng du lịch</b>					
1	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các nội dung khác theo quy định của Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15	Sở Tài chính	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 02/2026	Tháng 02/2026	Chủ tịch UBND tỉnh
2	Nghị quyết về tiếp tục đợt phá xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ, hạ tầng đô thị, hạ tầng khu, cụm công nghiệp giai đoạn 2025-2030	Sở Xây dựng	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Tháng 02/2026	Quý I/2026	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
3	Văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Xây dựng	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Quý II/2026	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
4	Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030	Sở Xây dựng	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 12/2026	Quý IV/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Kế hoạch về phát triển hạ tầng số tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2025 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 07/11/2025		Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>I.2</b>	<b>Thực hiện tối công tác tài chính, tín dụng, đầu tư công, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia</b>					
1	Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành tại Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025		Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Nghị quyết về phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 02/2026	Quý I/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
3	Nghị quyết về phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm	Sở Tài chính	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Hằng năm	Hằng năm	Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương tỉnh Tuyên Quang hằng năm	Sở Tài chính	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Hằng năm	Hằng năm	Hội đồng nhân dân tỉnh

TT	TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH	THỜI GIAN BAN HÀNH	THÂM QUYỀN BAN HÀNH
5	Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030	Các sở chủ quản Chương trình MTQG	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Năm 2026	Năm 2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
6	Nghị quyết và phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Các sở, ngành chủ quản Chương trình MTQG và UBND các xã, phường	Năm 2026	Năm 2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
7	Nghị quyết và phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm	Sở Tài chính	Các sở, ngành chủ quản Chương trình MTQG và UBND các xã, phường	Hàng năm	Hàng năm	Hội đồng nhân dân tỉnh
8	Kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030	Các sở chủ quản Chương trình MTQG	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Khi có hướng dẫn của Trung ương	Khi có hướng dẫn của Trung ương	Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm	Các sở chủ quản Chương trình MTQG	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Hàng năm	Hàng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>I.3</b>	<b>Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng theo định hướng kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh</b>					
1	Nghị quyết về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025-2030	Sở Công thương	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Điều chỉnh Phương án phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong đó tập trung phát triển một số khu, cụm công nghiệp chuyên sâu, công nghệ cao gắn với chế biến nông lâm sản và được liệt kê, giai đoạn 2026-2030	Sở Công thương	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>I.4</b>	<b>Tiếp tục khai thác tiềm năng, lợi thế đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh</b>					
1	Nghị quyết về phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang thành ngành kinh tế mũi nhọn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 1/2026	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Đề án phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 3/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>I.5</b>	<b>Tiếp tục phát triển thương mại, dịch vụ</b>					
1	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ Logistics trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Công thương	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Kế hoạch về thúc đẩy phát triển kinh tế cửa khẩu và thương mại biên giới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030	Sở Công thương	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Đề án phát triển vận tải hành khách công cộng giai đoạn 2025 - 2030, ưu tiên phương tiện sử dụng năng lượng sạch	Sở Xây dựng	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 7/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh

TT	TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH	THỜI GIAN BAN HÀNH	THÂM QUYỀN BAN HÀNH
I.6	<i>Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa theo chuỗi liên kết, ứng dụng khoa học công nghệ cao, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, hiệu quả, bền vững gắn với nâng cao các tiêu chí xây dựng nông thôn mới</i>					
1	Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp bền vững, gắn với đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 4/2026	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Chương trình hành động thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 4/2026	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
3	Nghị quyết về chỉnh sách hồ trợ phát triển, mở rộng các vùng chuyên canh trồng trọt theo chuỗi giá trị hàng hóa chất lượng cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 10/2027	Quý IV/2027	Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Đề án về phát triển nông nghiệp bền vững gắn với kinh tế nông nghiệp xanh, nông nghiệp số và mục tiêu xây dựng nông thôn, nông dân giàu có	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Đề án về phát triển lâm nghiệp bền vững, gắn với đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 05/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Đề án ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 6/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Kế hoạch thực hiện đảm bảo an ninh lương thực có hạt đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 6/2026	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Quyết định ban hành kế hoạch thực hiện Đề án đảm bảo an toàn thực phẩm nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 4/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Điều chỉnh Đề án và xây dựng Tuyên Quang trở thành khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trung tâm sản xuất và chế biến gỗ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 4/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Quyết định phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 7/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
11	Điều chỉnh "Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 9/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2035".	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 10/2026	Quý III/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh

TT	TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH	THỜI GIAN BAN HÀNH	THĂM QUYỀN BAN HÀNH
12	Đề án chuyển đổi số ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 11/2026	Quý IV/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>I.7</b>	<b>Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thành phần kinh tế</b>					
1	Nghị quyết về thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Tài chính	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Quý I/2026	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Tài chính	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành tại Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 08/12/2025	Hội đồng nhân dân tỉnh	Hội đồng nhân dân tỉnh
3	Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030.	Sở Tài chính	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành tại Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 08/12/2025	Hội đồng nhân dân tỉnh	Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Kế hoạch triển khai Nghị quyết về thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Chương trình xúc tiến đầu tư hằng năm	Sở Tài chính	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Quý I hằng năm	Quý I hằng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Tài chính	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành tại Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Kế hoạch phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 6/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>II</b>	<b>Nâng cao chất lượng công tác văn hóa, xã hội; xây dựng con người Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững</b>					
<b>II.1</b>	<b>Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững</b>					
1	Nghị quyết về xây dựng và phát triển con người Tuyên Quang phát triển toàn diện về đạo đức, nhân cách, trí tuệ, thể lực, thẩm mỹ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, giai đoạn 2026-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Đề án bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Kế hoạch phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2035	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh

TT	TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH	THỜI GIAN BAN HÀNH	THÂM QUYỀN BAN HÀNH
4	Đề án phát triển thể thao tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý 1/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>II.2 Thực hiện hiệu quả và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo</b>						
1	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TW, 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới phát triển giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	BCH Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 11-CT/TU ngày 18/11/2025		Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
2	Nghị quyết về thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý 1/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
3	Nghị quyết quy định các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025		Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ đối với học sinh đang học bán trú, học sinh thuộc hộ nghèo không thuộc đối tượng hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ; người làm công tác quản lý; người phục vụ nấu ăn cho học sinh bán trú hướng chính sách theo Nghị quyết tại các trường phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Quý 1/2026	Quý 1/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
5	Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tư thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025		Hội đồng nhân dân tỉnh
6	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với học sinh, giáo viên các trường trung học phổ thông chuyên thuộc tỉnh; học sinh tham gia đội tuyển, giáo viên của tỉnh và chuyên gia tham gia bồi dưỡng đội tuyển thi chọn học sinh giỏi; thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, khu vực quốc tế hoặc quốc tế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025		Hội đồng nhân dân tỉnh
7	Nghị quyết quy định Chế độ Khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong các kỳ thi quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia và kỳ thi cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Quý 1/2026	Quý 1/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
8	Nghị quyết đặc thù quy định chính sách hỗ trợ thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; hỗ trợ giáo viên dạy ôn tập cho học sinh cuối cấp; các nhóm nhân lực có chuyên môn cao, nghệ nhân, nghệ sĩ, viên động viên chuyên nghiệp tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục trong các nhà trường, nhất là về văn hóa, nghệ thuật, thể thao, kỹ năng sống	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 3/2026	Quý 1/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh

TT	TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH	THỜI GIAN BAN HÀNH	THÂM QUYỀN BAN HÀNH
9	Nghị quyết quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Quý III/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
10	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ và mức hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp; mức hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Quý III/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
11	Đề án phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Quý I/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
12	Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Tháng 01/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
13	Kế hoạch thực hiện Đề án “Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Quý I/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
14	Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 11-CT/TTU ngày 18/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
15	Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cấp địa phương đối với các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>II.3. Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đào tạo, nâng cao chất lượng lao động gắn với giải quyết việc làm</b>						
1	Chương trình thực hiện Chi thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Chương trình thực hiện Chi thị số 37-CT/TW, ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
3	Kế hoạch về triển khai công tác xây dựng xã hội học tập năm 2026	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 3/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Kế hoạch về triển khai thực hiện công tác Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2026	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 3/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh

TT	TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH	THỜI GIAN BAN HÀNH	THAM QUYỀN BAN HÀNH
5	Kế hoạch triển khai giáo dục nghề nghiệp năm 2026	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 3/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Kế hoạch triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ tạo việc làm và đẩy mạnh công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2026-2030	Sở Nội vụ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>II.4 Nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân</b>						
1	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị “Về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân”	Sở Y tế	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	BCH Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 12-CT/TU ngày 18/1/2025	Tháng 7/2026	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
2	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ kinh phí thực hiện mục tiêu Chăm sóc sức khỏe - dân số và phát triển giai đoạn 2026 – 2030.	Sở Y tế	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 3/2026	Tháng 7/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
3	Nghị quyết Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Tuyên Quang quản lý (có bổ sung chi phí quản lý sau khi có Hướng dẫn của Bộ Y tế)	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 5/2026	Tháng 7/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Nghị quyết Quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng đối với công tác viên dân số thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Y tế	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 10/2026	Tháng 12/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
5	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị “Về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân”	Sở Y tế	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Tháng 1/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 24-KH/TU, ngày 03/11/2025 của Tỉnh ủy Tuyên Quang thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XIII) về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 01/2026	Tháng 2/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Kế hoạch thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân ít nhất mỗi năm 1 lần theo nhóm đối tượng và lộ trình ưu tiên, làm cơ sở tạo lập Sổ sức khỏe điện tử cho toàn bộ người dân.	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 3/2026	Tháng 4/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh

TT	TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH	THỜI GIAN BAN HÀNH	THAM QUẢN BAN HÀNH
8	Kế hoạch triển khai thực hiện Chi thi số 28-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 3/2026	Tháng 4/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2026-2035	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 4/2026	Tháng 5/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Chi thi về nâng cao chất lượng y tế học đường	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	Tháng 8/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
11	Đề án cấp cứu và cấp cứu ngoại viện	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 7/2026	Tháng 9/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
12	Đề án nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phát triển y tế kỹ thuật cao, chuyên sâu, tăng cường y tế dự phòng, giai đoạn 2025-2030	Sở Y tế	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Theo chỉ đạo của Trung ương	Theo chỉ đạo của Trung ương	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>II.5 Tiếp tục thực hiện tới các chính sách bảo đảm an sinh xã hội</b>						
1	Nghị quyết quy định về mức quà tặng chức thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Y tế	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 11/2026	Tháng 12/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Kế hoạch thăm, tặng quà đối tượng người có công nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 01 hàng năm	Tháng 01 hàng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Kế hoạch Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7 hàng năm)	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 7 hàng năm	Tháng 7 hàng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Y tế	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 6/2026	Tháng 7/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>II.6 Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thông tin và truyền thông</b>						
1	Kế hoạch tổ chức Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo và Đài PTTH tỉnh; Các cơ sở phát hành xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường	Hàng năm	Hàng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Quy chế quản lý hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Năm 2026	Năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Quyết định quy định về giải thưởng báo chí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành và UBND các xã, phường; các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh	Năm 2026	Năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh

TT	TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH	THỜI GIAN BAN HÀNH	THAM QUYỀN BAN HÀNH
4	Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội liên ngành phòng, chống in lậu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Công an tỉnh; Chi Cục QLTT tỉnh Tuyên Quang	Năm 2026	Năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Kế hoạch hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí Trung ương giai đoạn 2027-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các số, ngành và UBND các xã, phường, các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh	Năm 2027	Năm 2027	Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Quy định về ban hành chế độ nhuận bút, thù lao đối với các sản phẩm truyền thông của cấp xã giai đoạn 2026-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các xã, phường	Theo chỉ đạo của Trung ương	Theo chỉ đạo của Trung ương	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>II.7 Thực hiện tối các chính sách dân tộc, tôn giáo</b>						
1	Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Năm 2026	Năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Kế hoạch công tác quản lý nhà nước về tin ngưỡng, tôn giáo hàng năm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Hàng năm	Hàng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>III Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, thực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>						
1	Chi thi về việc đẩy mạnh xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 2/2026	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, gắn kết đào tạo với nghiên cứu và nhu cầu của doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 4/2026	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
3	Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026 - 2030 tại tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 3/2026	Quý I/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Chương trình hành động về đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và xã hội số, giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 1/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 4/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Kế hoạch tổ chức Cuộc thi "Tìm kiếm tài năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo" tỉnh Tuyên Quang thường niên	Sở Khoa học và Công nghệ	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 2/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 4/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Đề án phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ cao trong các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các số, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 4/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>IV Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai</b>						

TT	TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH	THỜI GIAN BAN HÀNH	THẨM QUYỀN BAN HÀNH
1	Kế hoạch phòng chống thiên tai 05 năm giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Trong tháng 11/2026	Quý IV/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Đề án về hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Kế hoạch quản lý môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 11/2026	Quý IV/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
V	<b>Tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại</b>					
V.1	<b>Tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh</b>					
1	Nghị quyết về tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia và xây dựng thế trận lòng dân vững chắc giai đoạn 2025-2030	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành tại Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 18/12/2025		Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
2	Kế hoạch về nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giai đoạn 2026 - 2030.	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 02/2026	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
3	Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bất buộc, tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; mức thù lao đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối với các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I/2026	Quý I/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Đề án rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 3/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Đề án bảo đảm an ninh, trật tự lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025-2030	Công an tỉnh	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Kế hoạch xây dựng xã, phường không ma túy	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Hàng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Kế hoạch thực hiện Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 13/7/2023 của Bộ Chính trị về bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Kế hoạch thực hiện Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/01/2017 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh

TT	TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH	THỜI GIAN BAN HÀNH	THÂM QUYỀN BAN HÀNH
9	Kế hoạch thực hiện Đề án phòng, chống hoạt động thành lập "Nhà nước Mông"	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 01/2026	Tháng 01/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>V.2</b>	<b>Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại</b>					
1	Ngறி quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026-2030	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Đề án về tăng cường hợp tác toàn diện giữa tỉnh Tuyên Quang với tỉnh Vân Nam và khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc giai đoạn 2026-2030	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Chương trình về nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế giai đoạn 2026-2030	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Chương trình tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác, nhà tài trợ nước ngoài, xúc tiến, vận động nguồn viện trợ không hoàn lại nước ngoài trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 3/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 3/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 125-KL/TW, ngày 14/02/2025 của Ban Bí thư về tăng cường thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 3/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Chương trình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 3/2026	Tháng 4/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại đáng trong tình hình mới và Đề án tăng cường nâng cao quan hệ đối ngoại đáng cho giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến 2040	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 4/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Kế hoạch tăng cường hợp tác toàn diện giữa tỉnh Tuyên Quang với tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc, giai đoạn 2025 - 2030	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 4/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Kế hoạch triển khai Chiến lược ngoại giao văn hoá đến năm 2030 gắn với định hướng phát triển ngoại giao số đến năm 2030	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 5/2026	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>VI</b>	<b>Xây dựng chính quyền vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả</b>					

TT	TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIẠN TRÌNH UBND TỈNH	THỜI GIẠN BAN HÀNH	THAM QUYỀN BAN HÀNH
1	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính gắn với đợt phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu đổi mới, giai đoạn 2025 - 2030	Sở Nội vụ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh về lãnh đạo đẩy mạnh CCHC, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong Đảng bộ UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Nghị quyết về Quy định chính sách hỗ trợ pháp lý và mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Tư pháp	Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan	Tháng 3/2026	Tháng 5/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Nghị quyết Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Tư pháp	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 3/2026	Tháng 5/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
5	Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Tư pháp	Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan	Tháng 3/2026	Tháng 5/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
6	Nghị quyết Hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hương chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Tư pháp	Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan	Tháng 3/2026	Tháng 5/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
7	Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường trên địa bàn tỉnh Hà Giang	Sở Tư pháp	Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan	Tháng 3/2026	Tháng 5/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh
8	Đề án đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền đồng bộ, triệt để, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong giải quyết khiếu nại	Sở Nội vụ, các sở ngành có liên quan đến lĩnh vực phân cấp, ủy quyền	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Sau khi có quy định, văn bản hướng dẫn của Trung ương	Sau khi có quy định, văn bản hướng dẫn của Trung ương	Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Kế hoạch triển khai Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 17/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030"	Sở Tư pháp	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Quý I hàng năm	Quý I hàng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Kế hoạch triển khai Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 04/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030"	Sở Tư pháp	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Quý I hàng năm	Quý I hàng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh
11	Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hàng năm	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I hàng năm	Quý I hàng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh

TT	TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH	THỜI GIAN BAN HÀNH	THAM QUYỀN BAN HÀNH
12	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Sở Tư pháp	UBND các xã, phường	Quý I/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
13	Kế hoạch triển khai Đề án "Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Tư pháp	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 3/2026	Quý I/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh
14	Các đề án sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (nếu có)	Sở Nội vụ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Theo chỉ đạo của tỉnh, của Trung ương	Theo chỉ đạo của tỉnh, của Trung ương	Ủy ban nhân dân tỉnh
15	Quyết định phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã giai đoạn 2026-2031	Sở Tư pháp	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Sau khi có quy định, văn bản hướng dẫn của Trung ương	Sau khi có quy định, văn bản hướng dẫn của Trung ương	Ủy ban nhân dân tỉnh